

Số: **6012**/KH-UBND

Quảng Trị, ngày **29** tháng **12** năm 2020

KẾ HOẠCH

Phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030”;
- Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-TTg ngày 08/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;
- Căn cứ Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc các mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Căn cứ Quy hoạch số 2902/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 về Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân; sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ thông tin về kết nối, xử lý dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin mạng.
- Phát triển hạ tầng viễn thông là hạ tầng thiết yếu cho xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện. Nâng cao chất lượng mạng 4G, từng bước triển khai mạng 5G. Phổ cập internet băng rộng đến vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo. Thúc đẩy chuyển dịch từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang công nghệ thông tin và truyền thông.
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông; tăng cường

chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông. Đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới, giảm thiểu các sự cố mất thông tin liên lạc, đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị.

- Cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp viễn thông phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành các mục tiêu đề ra cho chuyển đổi số.

2. Yêu cầu

- Đưa ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với định hướng của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của tỉnh.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành trong việc phát triển hạ tầng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông cho chuyển đổi số.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025

1. Hạ tầng băng rộng

1.1. Băng rộng cho cộng đồng

a) Băng rộng cho gia đình

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2022	Mục tiêu 2023-2024	Mục tiêu năm 2025
1	Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân	15%	20%	26%
2	Tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang	60%	70%	80%
3	Tỷ lệ thôn, bản, khu phố có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang	90%	95%	100%

b) Băng rộng cho các điểm truy nhập viễn thông công cộng: 100% các điểm truy nhập viễn thông công cộng trên địa bàn Quảng Trị sử dụng dịch vụ băng rộng cố định trong đó ít nhất 80% các điểm có truy nhập băng rộng cố định với tốc độ tối thiểu đường xuống là 60Mb/s; 100% khu vực công sở, công cộng (bến xe, khu du lịch, khu công nghiệp, cơ sở y tế...) được phủ sóng wifi miễn phí.

1.2. Băng rộng cho cơ quan, công sở

a) Băng rộng cho cơ sở giáo dục, đào tạo: 100% các cơ sở giáo dục có kết nối băng rộng, trong đó:

- Các cơ sở giáo dục bậc Đại học, Cao đẳng, Trung cấp:

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2022	Mục tiêu 2023-2024	Mục tiêu năm 2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 60Mb/s	100%			Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau

2	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 80Mb/s		100%		Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
3	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 100Mb/s			100%	Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau

- Các cơ sở giáo dục bậc Mầm non, Tiểu học, Trung học, Phổ thông, Cơ sở dạy nghề, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên:

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2022	Mục tiêu 2023-2024	Mục tiêu năm 2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 32Mb/s	100%			Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
2	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 45Mb/s		80%		Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
3	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 60Mb/s			80%	Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau

b) Bảng rộng cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (tuyên xã, huyện, tỉnh; các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân): 100% các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có kết nối băng rộng, trong đó:

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2022	Mục tiêu 2023-2024	Mục tiêu năm 2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 32Mb/s	100%			Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
2	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 50Mb/s		50%		Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
3	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 60Mb/s			50%	Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau

c) Bảng rộng cho cơ quan hành chính và doanh nghiệp: 100% các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kết nối băng rộng, trong đó:

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2022	Mục tiêu 2023-2024	Mục tiêu năm 2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 50Mb/s	100%			Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau

2	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 80Mb/s		80%		Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau
3	Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 120Mb/s			80%	Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau

d. Hạ tầng mạng Truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng và Nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2022	Mục tiêu 2023-2024	Mục tiêu năm 2025	Ghi chú
1	Kết nối Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước	50%	70%	100%	Từ cấp tỉnh đến cấp xã
2	Tốc độ truy cập tối thiểu (Mb/s)	50	80	120	Tùy theo mỗi đơn vị đăng ký các gói cước khác nhau

2. Hạ tầng trạm phát sóng thông tin di động BTS

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2022	Mục tiêu 2023-2024	Mục tiêu năm 2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G	97%	98%	100%	Tính theo vùng phủ có dân cư sinh sống
2	Tốc độ tải dữ liệu 4G (Mbps)	30 Mb/s	35 Mb/s	40 Mb/s	Tốc độ tải xuống trung bình
3	Tỷ lệ dân số vùng thành phố, khu công nghiệp được phủ sóng 5G	50%	70%	90%	Tính theo vùng phủ có dân cư sinh sống
4	Tỷ lệ người sử dụng dịch vụ di động có smarphone	60%	70%	85%	Tính theo số thuê bao di động có phát sinh lưu lượng
5	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	20%	30%	40%	
6	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân	70%	75%	85%	Tính theo số thuê bao di động có phát sinh lưu lượng
7	Tỉ lệ phủ sóng điện thoại di động dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên tỉnh, liên huyện, liên xã	98%	100%	100%	

- Nâng tỷ lệ dùng chung cơ sở hạ tầng trạm BTS trên địa bàn tỉnh lên 9,5% - 11% trong năm 2021-2022 và 14-15% trong năm 2025; Hoàn thành việc chuyển đổi các trạm BTS từ loại A2a sang A1 đạt 50% giai đoạn 2021-2023 và 100% giai đoạn 2024-2025.

3. Hạ tầng mạng cáp viễn thông

- Tỷ lệ ngầm hóa mạng cáp đạt 40-50%; 100% ngầm hóa đối với các dự án mới (tuyến đường mới, khu đô thị mới...);

- Ngầm hóa 60-70% hạ tầng mạng cáp viễn thông, truyền hình tại khu vực đô thị (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường đô thị);

- Chinh trang 100% tuyến đường chính thành phố, thị trấn, thị xã trên địa bàn tỉnh, các tuyến đường có nhiều cấp thông tin nằm ngoài đô thị.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng viễn thông chuyển đổi số

1.1. Triển khai, ban hành cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số gồm:

- Xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Triển khai chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích 2021-2025.

- Quản lý xây dựng và đảm bảo chất lượng xây dựng các công trình viễn thông theo quy định; tạo điều kiện bố trí vị trí khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

- Quản lý cạnh tranh, đảm bảo thị trường viễn thông phát triển lành mạnh.

- Tạo môi trường phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, internet và không gian mạng.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại, dữ liệu) sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông. Kích thích chuyển dịch đầu tư vào dịch vụ chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

1.2. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 52/CT-BTTTT ngày 11/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông.

1.3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn để đảm bảo việc phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số đúng định hướng của Đảng, Nhà nước và chủ trương của tỉnh.

1.4. Nâng cấp cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng viễn thông; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông; xây dựng bản đồ số hạ tầng viễn thông tỉnh Quảng Trị.

1.5. Tập trung đầu tư và hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan đến việc phát triển hạ tầng viễn thông thuộc các lĩnh vực giao thông, xây dựng, môi trường, điện, nước.

2. Phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số

2.1. Mở rộng, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Phát triển hạ tầng kết nối phục vụ xây dựng Chính phủ số trên cơ sở kết hợp giữa mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng internet công cộng và các trung tâm dữ liệu.

2.2. Phát triển hạ tầng viễn thông đảm bảo vùng phủ sóng, chất lượng phủ sóng thông tin di động, kết nối internet cho xây dựng Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số và kết nối mạng internet vạn vật (IoT). Thực hiện lộ trình loại bỏ công nghệ cũ (2G), phổ cập công nghệ mới (4G/5G); nâng cao vùng phủ sóng, chất lượng dịch vụ di động 4G/5G, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; từng bước triển khai 5G, trước hết ưu tiên khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch.

2.3. Cấp quang hóa đến các khu vực dân số sinh sống, làm việc đến tận thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch phát hạ tầng cáp quang đến các thôn, bản, khu phố chưa có hạ tầng cáp viễn thông (*Phụ lục 1: Danh sách các thôn, bản, khu phố chưa có hạ tầng cáp viễn thông*).

2.4. Ngầm hóa mạng cáp ngoại vi; cải tạo mạng truyền dẫn, tăng cường chia sẻ, dùng chung hạ tầng viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiết kiệm nguồn lực đầu tư, an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị, trong đó:

- Chính trang, làm gọn cáp thông tin:

- + Giai đoạn 2021-2022 tập trung chính trang cáp thông tin khu vực thành phố Đông Hà, huyện Vĩnh Linh, thị xã Quảng Trị.

- + Giai đoạn 2023-2025: Chính trang cáp thông tin các tuyến đường chính thị trấn, thị xã, thành phố, tuyến đường ngoài đô thị có nhiều cáp ở các huyện, thị xã, thành phố (*Phụ lục 5: Danh sách các tuyến đường chính trang, làm gọn cáp thông tin giai đoạn 2021-2025*).

- Ngầm hóa mạng cáp ngoại vi:

- + Thực hiện hoàn thành việc ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại 7 tuyến đường bắt buộc ngầm hóa trên địa bàn thành phố Đông Hà.

- + Triển khai xây dựng hạ tầng công bề cáp ngầm hóa mạng ngoại vi trên địa bàn toàn tỉnh, ưu tiên các khu vực: Khu vực các tuyến đường chính tại các trung tâm chính trị, hành chính của tỉnh, huyện, thành phố, thị xã; Khu vực quảng trường, công viên, nhà thi đấu cấp tỉnh và cấp huyện; Khu vực các khu du lịch, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan; Khu vực các khu đô thị, khu dân cư mới; Khu vực, tuyến đường, phố chính nâng cấp đô thị; Khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Khu vực các khu kinh tế: Khu kinh tế là Khu Kinh tế - Thương mại Đặc biệt Lao Bảo, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

2.5. Phát triển hạ tầng trạm phát sóng thông tin di động BTS

- Phát triển 19 trạm BTS đến các thôn, bản, khu phố chưa có sóng di động và dịch vụ 3G/4G (*Phụ lục 2: Danh sách các thôn, bản, khu phố chưa có sóng di động*).

- Xây dựng kế hoạch và hoàn thành việc chuyển đổi các trạm BTS từ loại A2a sang A1 theo quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động (*Phụ lục 3: Danh sách các trạm BTS chuyển đổi từ A2a sang A1*).

- Xây dựng kế hoạch việc dùng chung 07 trạm BTS trong năm 2021 (*Phụ lục 4: Danh sách các trạm BTS đăng ký dùng chung*) và các năm tiếp theo đến năm 2025.

- Xây dựng kế hoạch phát triển trạm BTS theo giai đoạn 2021-2025. Ưu tiên phát triển mới trạm BTS với các loại trụ, cột thân thiện với môi trường, nguy trang và không công kênh.

- Chú trọng chia sẻ hạ tầng mạng, tăng cường việc sử dụng chung và kết nối hạ tầng. Chọn lựa công nghệ mới, hiện đại khi đầu tư mới, từng bước thay thế các tuyến cáp đồng bằng cáp quang hoặc chạy song song hai tuyến để dự phòng.

- Về hệ thống các tuyến truyền dẫn:

- + Yêu cầu đảm bảo 100% các thiết bị vi ba hoạt động trong điều kiện có bão cấp 15. Yêu cầu các tuyến truyền dẫn chính (đến trung tâm các huyện, thị, thành phố) đảm bảo hoạt động bình thường khi có bão từ cấp 12 trở xuống.

- + Đối với tuyến truyền dẫn (quang, đồng), tối ưu hóa mạng lưới hạ ngầm cáp thông tin tại khu vực ngầm hóa theo quy định, tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng các tuyến cáp.

- Rà soát, thống kê nhà trạm BTS nằm trong vùng ngập lũ, có phương án dự phòng khi trạm bị ngập, cô lập để đảm bảo thông tin liên lạc. Gia cố, nâng cấp các trạm BTS đảm bảo 100% trạm BTS hoạt động bình thường trong điều kiện có gió bão cấp 15. Hoàn thiện các vòng ring, đấu nối các luồng vu hồi; dự phòng, bổ sung thiết bị phát sóng lưu động, Vsat-IP, các tuyến viba cho các tuyến truyền dẫn để thay thế kịp thời.

2.6. Rà soát thiết lập, nâng cấp, cung cấp mạng wifi internet công cộng miễn phí tại các địa điểm công cộng.

3. Đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông cho chuyển đổi số

3.1. Chuyển đổi toàn bộ mạng internet của tỉnh theo giao thức cũ (Ipv4) sang ứng dụng địa chỉ giao thức internet thế hệ mới (Ipv6).

3.2. Thúc đẩy cung cấp và sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi đối với tất cả người dân.

3.3. Từng bước chuyển đổi, sử dụng hạ tầng đám mây và mạng điều khiển bằng phần mềm (SDN) thay thế cho hạ tầng mạng LAN, WAN tuyến thống. Trước hết chuyển đổi ở các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước.

3.4. Đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ viễn thông, internet theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và ngành.

3.5. Đảm bảo an toàn an ninh cho mạng lưới viễn thông, internet. Xử lý cơ bản các loại sim rác, tin nhắn rác, cuộc gọi rác, thư rác làm cơ sở cho xác thực điện tử, thanh toán điện tử.

V. KINH PHÍ

1. Nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ nâng cao năng lực quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông (thông tin, tuyên truyền; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; xây dựng bản đồ số viễn thông; xây dựng mạng truyền số liệu chuyên dùng; chỉnh trang cáp viễn thông; duy trì hệ thống wifi công cộng; thanh tra, kiểm tra).

2. Nguồn vốn của doanh nghiệp, Quỹ dịch vụ Viễn thông công ích và nguồn vốn khác để thực hiện nhiệm vụ đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch này. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 15/12 hàng năm.

- Xây dựng và đề xuất UBND tỉnh cơ chế ưu đãi các doanh nghiệp chủ động xây dựng hạ tầng viễn thông ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại; kế hoạch triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu ban hành các văn bản quản lý nhà nước về quản lý và ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi, phát triển hạ tầng mạng thông tin di động, các quy định, quy chế sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông; quy định xây dựng hạ tầng ngoại vi, hạ tầng mạng thông tin di động; các quy chế phối hợp xây dựng hạ tầng với các ngành giao thông, điện, cấp nước, thoát nước.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng viễn thông; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông; xây dựng bản đồ số hạ tầng viễn thông tỉnh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh đảm bảo các mục tiêu cụ thể đề ra.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong việc triển khai xây dựng phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Vào tháng 12 hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức các doanh nghiệp viễn thông ký cam kết phát triển hạ tầng cho các năm tiếp theo.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng: Cấp giấy phép xây dựng; sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông với hạ tầng kỹ thuật đô thị (xây dựng, điện lực, giao thông); quản lý chất lượng công trình xây dựng trong lĩnh vực viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn các giải pháp hạn chế tác động đến môi trường khi xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông; hướng dẫn, thực hiện và giải quyết các vấn đề về sử dụng đất để xây dựng hạ tầng viễn thông.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp các dịch vụ viễn thông.

- Hướng dẫn Công ty Điện lực phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật điện lực để phát triển viễn thông băng rộng. Thực hiện chỉnh trang cáp thông tin treo trên cột điện lực hàng năm nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị.

5. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị quản lý.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ phát triển hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các ngành liên quan tham mưu các giải pháp nhằm tập trung các nguồn lực, thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số của tỉnh.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị quản lý.

6. Các Sở, ban ngành khác

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng chính quyền số tại đơn vị đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin, các phòng ban liên quan và các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cho chuyển đổi số ở cơ sở đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và đạt hiệu quả cao.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn. Quản lý việc phát triển hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn theo quy định.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng trên địa bàn phù hợp với quy hoạch của tỉnh để mở rộng vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ viễn thông tại địa phương; ưu tiên các khu vực chưa được cung cấp dịch vụ viễn thông, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, biên giới, hải đảo.

8. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cho chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hàng năm của đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong Kế hoạch (hoàn thành trước ngày 30/11 hàng năm).

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong việc triển khai xây dựng hạ tầng, cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh: sự phù hợp với quy hoạch của tỉnh, sử dụng chung hạ tầng, phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

- Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chịu trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại đơn vị mình đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Các DN viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, VX. *pho*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



★ Hoàng Nam

10
11
12
13
14



PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC THÔN, BẢN CHƯA CÓ HẠ TẦNG CẤP VIÊN THÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số 6012/KH-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Thôn, bản, khu phố	Số lượng thôn, bản, khu phố	Doanh nghiệp thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Đakrông				
1	Xã Hương Hiệp	Thôn Pa Loang	1	VNPT; Viettel	2021-2025
2	Xã Mò ó	Thôn Khe Luối	1	VNPT; Viettel	2021-2025
3	Xã Đakrông	Thôn Chân ro	1	VNPT; Viettel	2021-2025
4	Xã Ba Nang	Thôn A Lạ; Thôn Trảm; Thôn Kóc; Thôn Tà Mên; Thôn Bù; Thôn Ngược; Thôn Đá Bàn	7	VNPT; Viettel	2021-2025
5	Xã Tà Long	Thôn Kè; Thôn Vôi; Thôn A Đu; Thôn Sa Tà; Thôn Chai; Thôn Pa Ngay	6	VNPT; Viettel	2021-2025
6	Xã Húc Nghi	Thôn Là Tó; Thôn 37	2	VNPT; Viettel	2021-2025
7	Xã Tà Rút	Thôn A Phul	1	VNPT; Viettel	2021-2025
8	Xã A Vao	Thôn Tân Di 1; Thôn Tân Di 2; Thôn Tân Di 3; Thôn Ro Ró 1; Thôn Ro Ró 2; Thôn A Sau; Thôn Ba Linh; Thôn Kỳ Nơi	8	VNPT; Viettel	2021-2025
9	Xã A Ngo	Thôn Ang Công	1	VNPT; Viettel	2021-2025
10	Xã A Bung	Thôn A Luông; Thôn Cọp	2	VNPT; Viettel	2021-2025
II	Hương Hóa				
1	Xã Tân Liên	Thôn Cheng	1	VNPT; Viettel	2021-2025
2	Xã Tân Lập	Bản Cón	1	VNPT; Viettel	2021-2025
3	Xã Tân Thành	Thôn Lệt Cóc	1	VNPT; Viettel	2021-2025
4	Xã Thuận	Thôn Rơ Cong; Thôn Tà Còi; Thôn Piéc Húc; Thôn Piéc Lăng	4	VNPT; Viettel	2021-2025
5	Xã Thanh	Bản 9 (Rơ Viêng); Bản 10 (Tà Nua); Bản Thanh 4; Bản Ba Lộ Ồ; Bản Ba Lộ Vạc; Bản Xung	6	VNPT; Viettel	2021-2025
6	Xã Hương Lộc	Bản Cu Dùm; Bản Cheng; Bản Trảm; Bản Ra Ty; Bản Tà Rúi; Bản Tà Roà; Bản Pa Kã; Bản Cửa	8	VNPT; Viettel	2021-2025
7	Xã A Túc	Thôn Húc; Thôn A Sau; Thôn Ba Linh	3	VNPT; Viettel	2021-2025
8	Xã A Doi	Thôn A Doi Đót; Thôn P Rời	2	VNPT; Viettel	2021-2025
9	Xã Xy	Thôn Ra Man; Thôn Ta Nua; Thôn Cơ Reo; Thôn Xy La	4	VNPT; Viettel	2021-2025
10	Xã Ba Tầng	Thôn Trùm; Thôn Xã Tuông; Thôn Hùn; Thôn Xa rỏ; Thôn Vâng; Thôn Mãng Song	6	VNPT; Viettel	2021-2025
11	Xã A Xing	Thôn Kỳ Ri	1	VNPT; Viettel	2021-2025

12	Xã Húc	Thôn Tả Ri 2; Thôn Húc Thượng; Thôn Ha Le; Thôn Tả Rùng; Thôn Cu Dong; Thôn Ta Cu	6	VNPT; Viettel	2021-2025
13	Xã Hương Tân	Thôn Ruộng; Thôn A Chun	2	VNPT; Viettel	2021-2025
14	Xã Hương Linh	Thôn Có (Cho); Thôn Hồng; Thôn Mới; Thôn Pa Công	4	VNPT; Viettel	2021-2025
15	Xã Hương Phùng	Thôn Mã Lai; Bàn Cheng; Thôn Hương Phú; Thôn Tân Pun; Thôn Hương Choa; Thôn Hương Hải	6	VNPT; Viettel	2021-2025
16	Xã Hương Sơn	Thôn Pin; Thôn Ra Ly; Thôn Hồ; Thôn Lúa; Thôn Tria; Thôn Cát	6	VNPT; Viettel	2021-2025
17	Xã Hương Lập	Thôn Khe Cuối; Thôn Tả Dăng; Thôn Tri	3	VNPT; Viettel	2021-2025
18	Xã Hương Việt	Thôn Tả Pong; Thôn Ka Tiêng	2	VNPT; Viettel	2021-2025
III	Vĩnh Linh			VNPT; Viettel	2021-2025
1	Xã Vĩnh Khê	Thôn Bền Mung; Thôn Khe Luong; Thôn Khe Trám; Thôn Xung Phong	4	VNPT; Viettel	2021-2025
2	Xã Vĩnh Ô	Thôn Thúc; Bàn Lén; Bàn Mích; Bàn Xã Ninh; Xóm Mới; Bàn Xã Lợi; Bàn Cây Tâm	7	VNPT; Viettel	2021-2025
3	Xã Vĩnh Hà	Bàn Khe Ô; Bàn Mới	2	VNPT; Viettel	2021-2025
	Tổng		109		

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH CÁC THÔN, BÀN CHỨA CÓ HẠ TẦNG SỐNG ĐỘNG
(Kèm theo Kế hoạch số 6012 /KH-UBND ngày 29 /12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)



TT	Huyện, thị, thành phố	Doanh nghiệp thực hiện	Thực hiện năm 2021	Giai đoạn 2022-2024	Giai đoạn 2024-2025
1	Đakrông				
1	Xã Ba Nang				
1.1	Thôn Tà Mên	Viettel		x	
1.2	Thôn Bù	Mobifone		x	
1.3	Thôn Ngược	Viettel			x
1.4	Thôn Đá Bàn	VNPT		x	
2	Xã Tà Long				
2.1	Thôn Sa Ta	Mobifone	x		
2.2	Thôn Chai	Mobifone	x		
2.3	Thôn Pa Ngay	VNPT			x
3	Xã A Vao				
3.1	Thôn Tân Di 2	Viettel		x	
3.2	Thôn Tân Di 3	VNPT		x	
3.3	Thôn A Sau	VNPT			x
3.4	Thôn Ba Linh	Viettel			x
3.5	Thôn Kỳ Noi	VNPT			x
II	Hương Hóa				
1	Xã Hương Lộc				
1.1	Bản Ra Ty	VNPT	x		
1.2	Bản Cua	VNPT	x		
2	Xã Ba Tầng				
2.1	Thôn Xa rô	Mobifone		x	
2.2	Thôn Vàng	Viettel	x		
2.3	Thôn Mãng Song	Mobifone			x
3	Xã Hương Việt				
3.1	Thôn Tà Pong	Viettel	x		
3.2	Thôn Xa Dung	Mobifone			x
	Tổng	19			

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC TRẠM CHUYÊN ĐỔI TỪ A2a SANG A1 GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch số 6012 /KH-UBND ngày 29 /12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Mã trạm	Kinh độ	Vỹ độ	Địa chỉ	Doanh nghiệp thực hiện	Năm thực hiện
1	QTT0020	107,10769	16,81791	CtyCPNhômkinhHiểnAn,225BLêDuẩn,Phường5 Tp Đông Hà	Viettel	2021-2022
2	QTT0100	107,09670	16,80046	205 Lý Thường Kiệt, Phường 5, Tp Đông Hà	Viettel	2021-2022
3	QTT0127	107,11345	16,81291	KS Ngọc Anh, 367 Lê Duẩn, Phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà	Viettel	2021-2022
4	QTT0150	107,09345	16,82316	Số 80 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Đông Hà	Viettel	2021-2022
5	QTT0195	107,10607	16,80289	225 Hùng Vương, Phường 5, Đông Hà	Viettel	2023-2025
6	QTT0204	107,08837	16,81510	Số 174 Nguyễn Trãi, Phường 1, Đông Hà	Viettel	2023-2025
7	QTT0234	107,11090	16,80080	Lô 270 Khu Đô Thị Nam Đông Hà, Đông Hà	Viettel	2023-2025
8	QTT0027	107,10326	16,80859	84 Tôn Thất Thuyết, Phường 5, Đông Hà	Viettel	2023-2025
9	VNC55-366-LE-DUAN-DONGHA_QTI	107,11692	16,80764	366 Lê Duẩn, phường Đông Lương, Đông Hà	VNPT	2021-2022
10	VNC55-42-LE-DUAN-P1-TXQUANGTRI_QTI	107,18522	16,74016	42 Lê Duẩn, Phường 1, thành phố Đông Hà	VNPT	2021-2022
11	QTDH06	107.10826	16.81659	148 Lê Duẩn, khu phố 1, phường Đông Lễ, Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Mobifone	2021-2022
12	QTDH09	107.09126	16.82131	133 Trần Hưng Đạo, khu phố 3, phường 1, Đông Hà, Quảng Trị	Mobifone	2021-2022
13	QTDH10	107.07734	16.81659	432 Quốc Lộ 9, phường 3, Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Mobifone	2021-2022
14	QTDH17	107.10338	16.81484	79 Quốc Lộ 9, khu phố 3, phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Mobifone	2021-2022
15	QTDH22	107.09581	16.81525	101D Nguyễn Trãi, khu phố 4, phường 1, Đông Hà, Quảng Trị	Mobifone	2021-2022
16	QTDH27	107.09889	16.80727	150 Hàm Nghi, khu phố 9, phường 5, Đông Hà, Quảng Trị	Mobifone	2021-2022

17	QTDH28	107.10208	16.81850	05 Phan Đình Phùng, KP8, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Mobifone	2021-2022
18	QTDH29	107.10548	16.82334	Đường Ngô Sĩ Liên, khu phố 2, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Mobifone	2021-2022
19	QTDH30	107.10622	16.80997	41 Đường Đoàn Khuê, Khu Phố 2, phường 5, Đông Hà, Quảng Trị	Mobifone	2023-2025
20	QTDH31	107.09627	16.82874	40/10, Quốc Lộ 1A, Đông Hà, Quảng Trị	Mobifone	2023-2025
21	QTDH32	107.11417	16.80418	169 Lê Lợi, khu phố 2, phường Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị	Mobifone	2023-2025
22	QTDH34	107.11045	16.78303	Đường Nguyễn Tư Giản, khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương, Đông Hà	Mobifone	2023-2025
23	QTDH35	107.10875	16.80038	43 Thân Nhân Trung, khu phố 1, phường Đông Lương, Đông Hà,	Mobifone	2023-2025
24	QTDH36	107.09815	16.81890	69/1 đường Hùng Vương, khu phố6, phường 1, TP Đông Hà, Quảng Trị	Mobifone	2023-2025
25	QTQT05	107.18539	16.74268	41 Trần Hưng Đạo, KP 3, Phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	Mobifone	2023-2025
26	QTQT06	107.19306	16.75355	21 Trần Bình Trọng, KP 5, Phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	Mobifone	2023-2025

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH CÁC TRẠM BTS ĐĂNG KÝ DÙNG CHUNG NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 6012 /KH-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Doanh nghiệp	Mã trạm	Kinh độ	Vỹ độ	Địa chỉ	Đơn vị đề nghị dùng chung
1	Viettel	QT10442	107,09048	16,79174	Sau lưng Bệnh viện Lao, Phường 5, thành phố Đông Hà	MobiFone
2	Viettel	QT10175-12	107,06188	16,88451	Thôn Hải Ba, xã Linh Hải, huyện Gio Linh	MobiFone
3	Mobifone	20QT042	106,84990	16,55225	Thôn Xà Trám, xã BaiNang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị	Viettel
4	VNPT	TRUONG-HUU-QUOC-KCN-HAI-TRUONG-HAILANG_QTI	107,25970	16,67732	KCN Hải Trường, Hải Lăng, Quảng Trị	Ông Trương Hữu Quốc (Mobifone đang sử dụng)
5	VNPT	TAN-LAP-PHU-LONG-PHUNG-TAN-LONG-HUONG-HOA_QTI	106,65401	16,59780	Thôn Long Phụng, Tân Long, Hướng Hóa	Công ty Tân Lập Phú (Mobifone đang sử dụng)
6	VNPT	MIS-TRAM-LY-HAI-QUY-HAILANG_QTI	107,21568	16,753596	Thôn Trâm Lý, Hải Quy, Hải Lăng, Quảng Trị	Công ty MIS (Mobifone đang sử dụng)
7	VNPT	VMS-KHOM-VINH-TIEN-HO-XA-VINH LINH_QTI	107,02579	17,04357	Khóm Vĩnh Tiến, TT Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Mobifone Miền Trung (Mobifone đang sử dụng)

**PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH TRẠNG, LÀM GỌN
CẤP THÔNG TIN BẢNG CÔNG CỤM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số 6012 /KH-UBND ngày 29 /12/2020
của UBND tỉnh Quảng Trị)*

TT	Tuyến đường	Ghi chú
I	Thành phố Đông Hà	
1	Hùng Vương	
2	Lê Duẩn (lê phải)	
3	Trần Hưng Đạo	
4	Nguyễn Trãi	
5	Lý Thường Kiệt	
6	Trần Phú	
7	Đường 9D	
8	Trần Bình Trọng	
9	Ngô Quyền	
10	Hoàng Diệu	
11	Bà Triệu	
12	Thành Cổ	
13	Phạm Ngũ Lão	
14	Đình Tiên Hoàng	
15	Bùi Thị Xuân	
16	Trần Nguyên Hãn	
17	Hàn Thuyên	
18	Lưu Hữu Phước	
19	Văn Cao	
20	Lê Thánh Tông	
21	Nguyễn Khuyến	
22	Thái Phiên	
23	Lê Hồng Phong	
24	Chu Mạnh Trinh	
25	Nguyễn Đình Chiểu	
II	Huyện Vĩnh Linh	
1	Thị trấn Hồ Xá	
1.1	Trần Hưng Đạo	
1.2	Trần Phú	
1.3	Lê Duẩn	
2	Thị trấn Cửa Tùng	
2.1	Đoạn Chợ Gio- Khu vực bãi tắm Cửa Tùng	
2.2	Các tuyến đường chính của Thị trấn	
3	Thị trấn Bến Quan	
3.1	Đường Hồ Chí Minh (đoạn qua thị trấn Bến Quan)	
III	Huyện Gio Linh	
1	Thị trấn Gio Linh	
1.1	Lê Duẩn	
1.2	Võ Nguyên Giáp	
2	Thị trấn Cửa Việt	
2.1	Hùng Vương	
2.2	Trần Hưng Đạo	
IV	Huyện Cam Lộ	

1	Đường 2/4	
2	Đường Hồ Chí Minh (đoạn qua thị trấn)	
3	Trần Hưng Đạo	
4	Tôn Thất Thuyết	
V	Huyện Đakrông	
1	Lê Duẩn	
2	Hùng Vương	
VI	Huyện Hướng Hóa	
1	Thị trấn Khe Sanh	
1.1	Lê Duẩn	
1.2	Hùng Vương	
1.3	Lê Lợi	
2	Thị trấn Lao Bảo	
2.1	Quốc Lộ 9	
2.2	Lý Thường Kiệt	
VII	Huyện Triệu Phong	
1	Lê Duẩn	
2	Nguyễn Hoàng	
3	Nguyễn Huệ	
4	Lê Lợi	
VIII	Thị xã Quảng Trị	
1	Lê Hồng Phong	
2	Hai Bà Trưng	
3	Quang Trung	
IX	Huyện Hải Lăng	
1	Quốc Lộ 1A (đoạn qua thị trấn)	
2	Đường Hùng Vương	
3	Đường 3/2	
X	Huyện Đảo Côn Cỏ	
	Tuyến đường chính vào đảo và quanh khu vực UBND huyện	

